

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: **2259**/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày **19** tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ GPMB xây dựng
Khu du lịch Hải Giang (đợt 5) thuộc dự án Bồi thường,
GPMB các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
Xét đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB và tái định cư dự án
Khu du lịch Hải Giang tại Tờ trình số 92/TTr-HĐBT ngày 14/8/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ GPMB Khu du lịch Hải Giang (đợt 5: Bồi thường 02 mộ cổ và bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ do thay đổi đơn giá đất năm 2013 so với năm 2012) thuộc dự án bồi thường, GPMB các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 1.280.547.840 đồng (*Một tỷ, hai trăm tám mươi triệu, năm trăm bốn mươi bảy ngàn, tám trăm bốn mươi đồng*); trong đó:
- Giá trị bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân và tổ chức: 1.255.439.040 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB 2%: 25.108.800 đồng.
Nguồn vốn chi trả: Ngân sách Nhà nước

Điều 2. Giao Thường trực Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB và tái định cư dự án Khu du lịch Hải Giang chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB và tái định cư dự án Khu du lịch Hải Giang; các tổ chức, hộ gia đình có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCTUBND tỉnh;
- Ban BTGPMB&TĐC KKT;
- Lưu: VT + K7.





Phụ lục

Phụ lục bồi thường, hỗ trợ cho các hộ bị ảnh hưởng bởi dự án Khu Du lịch hải Giang (đợt 5)
thuộc dự án Bồi thường, GPMB các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội
theo Quyết định số 2259/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2013 của Chủ tịch UBND tỉnh

STT	TÊN	ĐỊA CHỈ	Diện tích đất bị thu hồi (m ²)	Diện tích đất được hỗ trợ (m ²)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ		Thành tiền (đồng)
					Tiền bồi thường, hỗ trợ đất	Chính sách hỗ trợ	
1	Trương Văn Dưỡng vợ Đoàn Thị Hoa	Hải Giang, Nhơn Hải	1.678.15	1.678.15	3.356.300	10.068.900	13.425.200
2	Trương Văn Tân vợ Lê Nữ Minh Thương	Hải Giang, Nhơn Hải	1.678.15	1.678.15	3.356.300	10.068.900	13.425.200
3	Trương Thị Tiến chồng Trịnh Dư	Hải Giang, Nhơn Hải	2.518.10	2.518.10	876.940	2.630.820	3.507.760
4	Trương Thị Lan	Hải Giang, Nhơn Hải	1.502.90	1.502.90	3.005.800	9.017.400	12.023.200
5	Trương Văn Mai - vợ Nguyễn Thị Trang	Hải Giang, Nhơn Hải	4.036.70	4.036.70	8.073.400	24.220.200	32.293.600
6	Trương Phụng - vợ Phạm Thị Liễu	Hải Giang, Nhơn Hải	1.409.80	1.409.80	2.819.600	8.458.800	11.278.400
7	Trương Thị Dư - chồng Phạm Hữu Sơn	Hải Giang, Nhơn Hải	1.048.60	1.048.60	2.097.200	6.291.600	8.388.800
8	Trương Văn Loan - vợ Nguyễn Thị Lài	Hải Giang, Nhơn Hải	771.90	771.90	989.040	2.967.120	3.956.160
9	Huỳnh Kim Long	Hải Giang, Nhơn Hải	833.80	833.80	1.667.600	5.002.800	6.670.400
10	Huỳnh Văn Sĩ - vợ Nguyễn Thị Bích Dân	Hải Giang, Nhơn Hải	381.60	381.60	763.200	2.289.600	3.052.800
11	Huỳnh Thị Nhị - chồng Nguyễn Văn Bình	Hải Nam, Nhơn Hải	555.60	555.60	1.111.200	0	1.111.200

52

Handwritten signature

12	Huỳnh Kim Quốc	Hải Nam, Nhơn Hải	418.90	418.90	837.800	0	837.800
13	Huỳnh Kim Phụng - vợ Phạm Thị Đức	Hải Giang, Nhơn Hải	6.139.10	6.139.10	40.216.480	0	40.216.480
14	Phan Hữu Quốc	Hải Đông, Nhơn Hải	305.30	305.30	610.600	0	610.600
15	Trương Long Vợ Huỳnh Thị Cúc	Hải Giang, Nhơn Hải	4.342.80	4.342.80	30.122.880	0	30.122.880
16	Trần Thị Hàng - Chồng Phạm Đình Hòa	Hải Đông, Nhơn Hải	4.024.90	4.024.90	8.049.800	0	8.049.800
17	Bùi Xuân Lập - Vợ Phạm Thị Quý	Hải Giang, Nhơn Hải	3.355.70	3.355.70	19.728.400	0	19.728.400
18	Trần Tín	Hải Đông, Nhơn Hải	4.885.40	4.885.40	9.770.800	0	9.770.800
19	Nguyễn Thị Triều	Hải Giang, Nhơn Hải	1.027.30	1.027.30	8.218.400	0	8.218.400
20	Nguyễn Thành Sơn - vợ Cao Thị Nường	Hải Giang, Nhơn Hải	2.107.50	2.107.50	16.860.000	0	16.860.000
21	Đặng Văn Mơi	Hải Nam, Nhơn Hải	589.80	589.80	1.179.600	0	1.179.600
22	Trần Ngọc Thạch - vợ Lê Thị Gời	Hải Giang, Nhơn Hải	2.714.10	2.714.10	21.712.800	0	21.712.800
23	Phạm Thị Cúc - chồng Tôn Mẻ (chết)	Hải Đông, Nhơn Hải	542.70	542.70	1.085.400	0	1.085.400
24	Nguyễn Thị Mại	Hải Đông, Nhơn Hải	606.30	606.30	1.212.600	0	1.212.600
25	Khổng Thị Lý - chồng Trần Văn Gấm (chết)	Hải Đông, Nhơn Hải	1.749.60	1.749.60	3.499.200	0	3.499.200

26	Nguyễn Thị Dung - chồng Lê Văn Lại	Hải Đông, Nhơn Hải	296.70	296.70	593.400	0	593.400
27	Nguyễn Khương - vợ Nguyễn Thị Hậu	Hải Giang, Nhơn Hải	2.694.80	2.694.80	21.558.400	0	21.558.400
28	Lê Đình Phương	Hải Giang, Nhơn Hải	1.325.60	1.325.60	10.604.800	0	10.604.800
29	Trương Thanh Cầu - vợ Trần Thị Xây	Hải Giang, Nhơn Hải	4.148.20	4.148.20	8.296.400	24.889.200	33.185.600
30	Nguyễn Minh - vợ Hà Thị Tám	Hải Giang, Nhơn Hải	1.382.20	1.382.20	11.057.600	0	11.057.600
31	Huỳnh Văn Chi - vợ Phan Thị Lan	Hải Giang, Nhơn Hải	3.041.90	3.041.90	6.083.800	18.251.400	24.335.200
32	Huỳnh Văn Tý - vợ Phạm Thị Hiệp	Hải Giang, Nhơn Hải	750.60	750.60	1.501.200	4.503.600	6.004.800
33	Trương Thanh Sơn - vợ Lê Thị Nhung	Hải Giang, Nhơn Hải	743.20	743.20	5.945.600	0	5.945.600
34	Đỗ Thị Kim Cúc	Hải Nam, Nhơn Hải	1.017.80	1.017.80	2.035.600	0	2.035.600
35	Cao Thị Tuyết Tâm - chồng Trần Kiều	Hải Đông, Nhơn Hải	966.50	966.50	1.933.000	0	1.933.000
36	Trần Thành Nhơn - vợ Phạm Thị Thương	Hải Nam, Nhơn Hải	3.649.20	3.649.20	7.298.400	0	7.298.400
37	Trần Ngọc Lê - vợ Huỳnh Thị Bình	Hải Giang, Nhơn Hải	3.447.90	3.447.90	27.583.200	0	27.583.200
38	Đoàn Văn Cho	Hải Đông, Nhơn Hải	9.115.10	9.115.10	18.230.200	0	18.230.200
39	Nguyễn Thành Phương - vợ Nguyễn Thị Hiệu	Hải Giang, Nhơn Hải	2.959.00	2.959.00	5.918.000	17.754.000	23.672.000

40	Lê Thị Dận	Hải Giang, Nhơn Hải	1.119.00	1.119.00	8.952.000	0	8.952.000
41	Trần Văn Tâm - vợ Đoàn Thị Định	Hải Giang, Nhơn Hải	1.756.90	1.756.90	12.514.400	0	12.514.400
42	Khê Duyên - vợ Trần Thị Nga	Hải Giang, Nhơn Hải	3.408.70	3.408.70	27.269.600	0	27.269.600
43	Huỳnh Tấn Hưng - vợ Hồ Thị Lan	Tổ 9, KV 21, P.Thị Nại	10.562.40	10.562.40	21.124.800	0	21.124.800
44	Trương Văn Xí	Hải Giang - Nhơn Hải	1.503.50	1.503.50	3.007.000	9.021.000	12.028.000
45	Trương Thị Hoa - Võ Ngọc Thọ	Hải Đông - Nhơn Hải	1.503.60	1.503.60	3.007.200	0	3.007.200
46	Lê Thị Bích Ngọc	Khu vực9 - Hải Cảng	500.00	500.00	500.000	0	500.000
47	Nguyễn Duy Cang	Khu vực9 - Hải Cảng	891.40	891.40	1.782.800	0	1.782.800
48	Lê Kim Ba (chết) - vợ Phạm Thị Thắm	Hải Nam - Nhơn Hải	361.00	361.00	722.000	0	722.000
49	Nguyễn Kiên	Hải Nam - Nhơn Hải	514.90	514.90	1.029.800	0	1.029.800
50	Nguyễn Xuân Hiến - Đoàn Thị Khâu	Hải Đông - Nhơn Hải	1.393.70	1.393.70	2.787.400	0	2.787.400
51	Huỳnh Hữu Phước	Hải Giang - Nhơn Hải	4.088.70	4.088.70	6.372.900	19.118.700	25.491.600
52	Nguyễn Thanh Vân - Nguyễn Thị Mùi	Hải Đông - Nhơn Hải	1.207.90	1.207.90	2.415.800	0	2.415.800
53	Nguyễn Thị Ngọc	Hải Đông - Nhơn Hải	1.360.30	1.360.30	852.060	0	852.060

54	Phạm Minh Phúc	78 Phan Chu Trinh, QN	25.246.30	25.246.30	28.289.840	0	28.289.840
55	Huỳnh Văn Huy - vợ Cao Thị Châu	Hải Giang - Nhơn Hải	2.002.60	2.002.60	4.005.200	0	4.005.200
56	Nguyễn Thành Phúc - vợ Khê Thị Lượng	Hải Giang - Nhơn Hải	1.986.30	1.986.30	15.890.400	0	15.890.400
57	Nguyễn Thị Minh - Đỗ Phụng Hoàng	Hải Đông, Nhơn Hải	1.475.40	1.475.40	2.950.800	0	2.950.800
58	Bùi Văn Ngọc	Hải Giang, Nhơn Hải	423.20	423.20	338.560	0	338.560
59	Nguyễn Văn Tý - vợ Nguyễn Thị Xanh	Hải Giang, Nhơn Hải	3.861.70	3.861.70	20.648.800	0	20.648.800
60	Huỳnh Văn Giỏi - vợ Nguyễn Thị Khen	Hải Giang, Nhơn Hải	1.811.20	1.811.20	3.622.400	10.867.200	14.489.600
61	Trần Văn Thắng - Lê Thị Đen	Hải Giang, Nhơn Hải	6.035.70	6.035.70	44.317.680	0	44.317.680
62	Huỳnh Văn Học	Hải Giang, Nhơn Hải	1.432.70	1.432.70	11.461.600	0	11.461.600
63	Huỳnh Văn Quân - Nguyễn Thị Thắm	Hải Giang, Nhơn Hải	436.90	436.90	873.800	2.621.400	3.495.200
64	Huỳnh Văn Viên - Huỳnh Thị Lưu	Hải Giang, Nhơn Hải	647.60	647.60	5.180.800	0	5.180.800
65	Huỳnh Văn Sinh - Phan Thị Hạnh	Hải Giang, Nhơn Hải	893.70	893.70	7.149.600	0	7.149.600
66	Trương Thị Thu	Hải Giang, Nhơn Hải	1.638.80	1.638.80	7.131.200	0	7.131.200
67	Huỳnh Văn Thi - Phan Thị Mỹ Dung	Hải Giang, Nhơn Hải	1.672.00	1.672.00	13.376.000	0	13.376.000

68	Trần Kim Tiến	Hải Nam - Nhơn Hải	320.30	320.30	640.600	0	640.600
69	Bùi Thị Kim Liên	Hải Đông - Nhơn Hải	813.00	813.00	621.420	0	621.420
70	Trương Trung Nghĩa	Hải Giang, Nhơn Hải	13.162.00	13.162.00	75.110.000	0	75.110.000
71	UBND xã Nhơn Hải	Hải Giang	201.794.50	201.794.50	403.589.000	0	403.589.000
72	Mộ Cổ vô chủ - ông Lê Công Hóa đại diện	Hải Nam, Nhơn Hải	0.00	0.00	0	0	10.000.000
Tổng cộng:			380.589.30	380.589.30	1.057.396.400	188.042.640	1.255.439.040

34

Đinh